

Số: 327/QĐ-ĐHVN

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023
của Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT

Căn cứ Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Việt Nhật được ban hành theo Quyết định số 391/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1455/QĐ-ĐHQGHN ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc ĐHQGHN về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của ĐHQGHN;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường Đại học Việt Nhật (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường Phòng Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (Ban KHTC&ĐT);
- Lưu: VT, KHTC, P5.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VIỆT NHẬT
Nguyễn Hoàng Oanh

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 327/QĐ-ĐHVN ngày 09/04/2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu			
I	Tổng số thu	29.576.727.450	29.576.727.450	
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	29.038.954.524	29.038.954.524	
3	Thu sự nghiệp khác	537.772.926	537.772.926	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	18.790.309.679	18.790.309.679	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	18.252.536.753	18.252.536.753	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	537.772.926	537.772.926	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi hành chính			
	Dự án A			

